

Số: 59/2017/NQ-HĐND

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 09 tháng 12 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định chế độ công tác phí trong nước, chế độ
chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ SÁU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

Xét Tờ trình số 141/TTr-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định chế độ công tác phí trong nước, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Báo cáo thẩm tra số 138/BC-KTNS ngày 28 tháng 11 năm 2017 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định chế độ công tác phí trong nước, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Bãi bỏ Nghị quyết số 18/2010/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc ban hành chế độ công tác phí trong nước, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà

nước; Nghị quyết số 13/2007/NQ-HĐND ngày 02 tháng 8 năm 2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành chế độ công tác phí, chế độ chi tiêu hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị quyết số 35/2007/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về sửa đổi, bổ sung chế độ công tác phí trong nước, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2. Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu Khóa VI, Kỳ họp thứ Sáu thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 19 tháng 12 năm 2017./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính; Bộ Ngoại giao;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- TTr.Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TTr.HĐND tỉnh; UBND tỉnh; UBMTTQ tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ngành, đoàn thể trong tỉnh;
- TTr.HĐND và UBND huyện, thành phố;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- Website HĐND tỉnh;
- Báo Bà Rịa-Vũng Tàu, Đài PT-TH tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Lĩnh

QUY ĐỊNH

**Chế độ công tác phí trong nước, chế độ chi hội nghị
trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 59 /2017/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm
2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định chế độ công tác phí trong nước, chế độ chi hội nghị của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ (sau đây gọi là cơ quan, đơn vị).

2. Đối với Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp khi tham gia các hoạt động của Hội đồng nhân dân, ngoài chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị nêu trong Quy định này, còn được thực hiện theo quy định riêng do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành. Trường hợp quy định riêng của Hội đồng nhân dân tỉnh có ban hành nội dung chi thuộc chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị thì được chọn chế độ chi cao hơn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối với chế độ công tác phí trong nước:

a) Cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo quy định của pháp luật làm việc tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ.

b) Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp khi tham gia hoạt động của Hội đồng nhân dân.

2. Đối với chế độ chi hội nghị:

a) Các hội nghị chuyên môn, hội nghị sơ kết và tổng kết chuyên đề; hội nghị tổng kết năm; hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ công tác do các cơ quan hành chính nhà nước tổ chức được quy định tại Quyết định số 114/2006/QĐ-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định chế độ hợp trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước; kỳ họp của Hội đồng nhân dân, phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân và cuộc họp các Ban của Hội đồng nhân dân.

b) Các hội nghị chuyên môn, hội nghị sơ kết và tổng kết chuyên đề, hội nghị tổng kết năm, hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Các hội nghị chuyên môn, hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ hoặc các hội nghị được tổ chức theo quy định trong điều lệ của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ.

3. Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc thực hiện theo quy định riêng của cấp có thẩm quyền.

Điều 3. Nguồn kinh phí để chi công tác phí trong nước, chi hội nghị

1. Ngân sách nhà nước.
2. Nguồn thu phí được để lại theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.
3. Nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp, dịch vụ của đơn vị sự nghiệp công lập.
4. Nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 4. Quy định chung về công tác phí trong nước và chế độ chi hội nghị

Thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 3 và Điều 4 của Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị (sau đây gọi tắt là Thông tư số 40/2017/TT-BTC).

Chương II CHẾ ĐỘ CÔNG TÁC PHÍ TRONG NƯỚC

Điều 5. Thanh toán tiền chi phí đi lại

1. Thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 5 của Thông tư số 40/2017/TT-BTC.
2. Đối với nội dung thanh toán khoán tiền tự túc phương tiện đi công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức không có tiêu chuẩn được bố trí xe ô tô khi đi công tác khi đi công tác cách trụ sở cơ quan từ 10 km trở lên (đối với các xã thuộc địa bàn kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và địa bàn huyện Côn Đảo) và từ 15 km trở lên (đối với các xã còn lại) mà tự túc bằng phương tiện cá nhân của mình thì được thanh toán khoán tiền tự túc phương tiện bằng 0,2 lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm đi công tác và được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

Điều 6. Phụ cấp lưu trú

Phụ cấp lưu trú là khoản tiền hỗ trợ thêm cho người đi công tác ngoài tiền lương do cơ quan, đơn vị cử người đi công tác chi trả, được tính từ ngày bắt đầu

đi công tác đến khi kết thúc đợt công tác trở về cơ quan, đơn vị (bao gồm thời gian đi trên đường, thời gian lưu trú tại nơi đến công tác), mức chi tối đa như sau:

1. Đi công tác trong và ngoài tỉnh: 200.000 đồng/ngày.
2. Đi công tác trên biển, đảo: 250.000 đồng/ngày.

Điều 7. Thanh toán tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác

1. Thanh toán theo hình thức khoán:

a) Đối với các chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,25 trở lên, mức khoán: 1.000.000 đồng/ngày/người, không phân biệt nơi đến công tác;

b) Đối với các chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,9 đến dưới 1,25, mức khoán: 700.000 đồng/ngày/người, không phân biệt nơi đến công tác;

c) Đối với các đối tượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động còn lại:

Trường hợp đối tượng đi công tác ở quận, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương và thành phố là đô thị loại I thuộc tỉnh, mức khoán: 450.000 đồng/ngày/người.

Trường hợp đối tượng đi công tác tại huyện, thị xã thuộc thành phố trực thuộc trung ương, tại thị xã, thành phố còn lại thuộc tỉnh, mức khoán: 350.000 đồng/ngày/người.

Trường hợp đối tượng đi công tác tại các vùng còn lại, mức khoán: 300.000 đồng/ngày/người.

2. Thanh toán theo hoá đơn thực tế:

Trong trường hợp người đi công tác không nhận thanh toán theo hình thức khoán thì được thanh toán theo giá thuê phòng thực tế (có hoá đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật) do thủ trưởng cơ quan, đơn vị duyệt theo tiêu chuẩn thuê phòng như sau:

a) Đi công tác tại các quận, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương và thành phố là đô thị loại I thuộc tỉnh:

Đối với các chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,25 trở lên: 1.500.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/1 phòng.

Đối với các chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,9 đến dưới 1,25: 1.200.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/1 phòng.

Đối với các đối tượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động còn lại: 1.100.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 2 người/phòng.

b) Đi công tác tại các vùng còn lại:

Đối với các chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,25 trở lên: 1.200.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/1 phòng.

Đối với các chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,9 đến dưới 1,25: 1.000.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/1 phòng.

Đối với các đối tượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động còn lại: 800.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 2 người/phòng.

3. Đối với các quy định khác về thanh toán tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác:

Thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 7 của Thông tư số 40/2017/TT-BTC.

Điều 8. Thanh toán khoán tiền công tác phí theo tháng

Thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 8 của Thông tư số 40/2017/TT-BTC.

Điều 9. Đi công tác theo đoàn công tác phối hợp liên ngành, liên cơ quan

Thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 9 của Thông tư số 40/2017/TT-BTC.

Trường hợp đoàn công tác tổ chức ăn tập trung thì mức chi tiền ăn là 100.000 đồng/người/ngày nếu đoàn đi công tác trong và ngoài tỉnh, 150.000 đồng/người/ngày nếu đoàn đi công tác trên biển, đảo. Cơ quan, đơn vị cử người đi công tác có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch giữa mức phụ cấp lưu trú và mức chi tiền ăn này.

Điều 10. Chứng từ thanh toán công tác phí

Thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 10 của Thông tư số 40/2017/TT-BTC.

Chương III CHẾ ĐỘ CHI HỘI NGHỊ

Điều 11. Nội dung chi tổ chức hội nghị

Thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 11 của Thông tư số 40/2017/TT-BTC.

Điều 12. Mức chi tổ chức hội nghị

1. Chi giải khát giữa giờ: 20.000 đồng/1 buổi (nửa ngày)/đại biểu.

2. Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp theo mức khoán như sau:

a) Cuộc họp được tổ chức tại các huyện, thành phố thuộc tỉnh: 150.000 đồng/ngày/người;

b) Cuộc họp cấp xã tổ chức (không phân biệt địa điểm tổ chức): 100.000 đồng/ngày/người.

3. Chi hỗ trợ tiền thuê phòng nghỉ và tiền phương tiện đi lại cho khách mời khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp: Tùy theo tình hình thực tế của hội nghị để quyết định mức chi cho phù hợp, nhưng không vượt mức quy định tại chế độ công tác phí trong nước.

4. Đối với các nội dung: Chi thù lao cho giảng viên, chi bồi dưỡng báo cáo viên, người có báo cáo tham luận trình bày tại hội nghị; Chi công tác phí cho giảng viên, báo cáo viên; Chi bù thêm phần chênh lệch giữa mức chi thực tế do tổ chức ăn tập trung với mức đã thu tiền ăn từ tiền phụ cấp lưu trú của các đại biểu thuộc cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp: Thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 12 của Thông tư số 40/2017/TT-BTC.

Điều 13. Hóa đơn, chứng từ thanh toán chi hội nghị

Thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 13 của Thông tư số 40/2017/TT-BTC.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Kinh phí thực hiện chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị phải được quản lý, sử dụng theo đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và trong phạm vi tổng dự toán chi thường xuyên được giao hàng năm.

2. Các mức chi trên là mức chi tối đa làm căn cứ để các cơ quan, đơn vị quy định các mức chi cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ để thực hiện cho phù hợp trong phạm vi dự toán ngân sách được giao và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

3. Đối với các hội nghị được tổ chức bằng nguồn kinh phí do các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp, tài trợ, thì khuyến khích vận dụng thực hiện chế độ chi tiêu hội nghị tại Quy định này nhằm đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và phù hợp khả năng ngân sách của đơn vị.

Các doanh nghiệp nhà nước được vận dụng chế độ công tác phí, chế độ chi tiêu hội nghị tại Quy định này để thực hiện đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của đơn vị. Trường hợp doanh nghiệp nhà nước được ngân sách nhà nước bố trí kinh phí thực hiện theo chương trình, đề án, dự án cụ thể, nếu có phát sinh nhiệm vụ chi công tác phí, hội nghị phí thì phải thực hiện theo đúng mức chi được cấp có thẩm quyền giao thực hiện chương trình, đề án, dự án phê duyệt.

4. Những khoản chi công tác phí, chi hội nghị không đúng quy định này khi kiểm tra phát hiện, cơ quan quản lý cấp trên, cơ quan tài chính các cấp, cơ quan thanh tra có quyền xuất toán và yêu cầu cơ quan, đơn vị có trách nhiệm hoàn trả nguồn kinh phí đã chi hoặc thu hồi nộp ngân sách nhà nước nếu chi từ nguồn

ngân sách nhà nước. Người ra lệnh chi sai phải bồi hoàn toàn bộ số tiền chi sai đó cho cơ quan, đơn vị, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Trong một số trường hợp đặc biệt, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trong từng trường hợp cụ thể./.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Lĩnh